TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2022
Về Vệc: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thị Xuân Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Dũng**
Ông **Nguyễn Văn B**

- Thư ký phiên toà: Ông **Khuất Duy Toàn** - Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Vện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*:** Bà **Dương Thị Phương Dung** - Kiểm sát Vên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2022/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2022 về Vệc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Tường V** - sinh năm 1996; Địa chỉ: K907 N, tổ 28 Xuân Thiều, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông **Lê Quang B** - sinh năm 1991; Địa chỉ: Số 79 Thanh Vnh 10, phường H1, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng - Hiện đang chấp hành án tại Trại giam A, thôn A, xã Đ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam - Vắng mặt có lý do (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tường V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lê Quang B xây dựng gia đình, đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2015 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vả, ông B ham chơi không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đến tháng 9/2016 ông B bị Tòa án xử 08 năm 06 tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy,

hiện đang chấp hành án tại Trại giam A. Nay tôi xác định không còn tình cảm với ông B nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê Quang B.

Về quan hệ con chung: Tôi và ông Lê Quang B có 01 con chung là: Lê Hoàng Khánh M - sinh ngày 04/12/2015. Nếu ly hôn, nguyện vọng của tôi là xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Lê Quang B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tôi và ông Lê Quang B không có tài sản chung.

Về nợ chung: Tôi và ông Lê Quang B không có nợ chung, không ai nợ chung vợ chồng tôi.

* Ông Lê Quang B trình bày tại Bản tự khai ngày 23/6/2022 (có xác nhận của Trại giam A):

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị Tường V tự nguyện đăng kết hôn vào ngày 16/7/2015 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 do tôi phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam A, tôi không có điều kiện để chăm sóc vợ con nên phát sinh mâu thuẫn. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tôi đồng ý ly hôn để bà Nguyễn Thị Tường V ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là: Lê Hoàng Khánh M - sinh ngày 04/12/2015. Tôi đồng ý để bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà V không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con nên tôi đồng ý.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa, đại diện Vện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng:

Vệc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung giữa nguyên đơn với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu,

thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra Vệc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra Vệc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tường V và ông Lê Quang B đăng ký kết hôn ngày 16/7/2015 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện (Giấy chứng nhận kết hôn số 89/2015), hôn nhân tự nguyện. Tại Bản tự khai ngày 23/6/2022 (có xác nhận của Trại giam A), ông Lê Quang B thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn. Qua xác minh thì trong quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Tường V và ông Lê Quang B phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Tường V và ông Lê Quang B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Tường V là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Tường V và ông Lê Quang B có 01 con chung là Lê Hoàng Khánh M - sinh ngày 04/12/2015. Qua xác minh, hiện nay con chung là Lê Hoàng Khánh M do bà V nuôi, còn ông B đang chấp hành án phạt tù và tại Bản tự khai ngày 23/6/2022 ông B đồng ý giao con chung cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tường V về Vệc nuôi con, giao con chung là Lê Hoàng Khánh M cho bà Nguyễn Thị Tường V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là có cơ sở, phù hợp với Điều 71 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Lê Quang B không phải cấp dưỡng nuôi con chung là Lê Hoàng Khánh M do bà Nguyễn Thị Tường V không yêu cầu. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Tường V và ông Lê Quang B có tranh chấp và khởi kiện về Vệc thay đổi người nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung tại thời điểm con chung là Lê Hoàng Khánh M chưa đủ 18 tuổi thì sẽ được Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Tường V và ông Lê Quang B cùng xác nhận khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tường V và ông Lê Quang B cùng xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Tường V phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Tường V đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0005257 ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Tường V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: - Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Chấp nhận đơn khởi kiện về Vệc "Ly hôn, nuôi con chung" của bà Nguyễn Thị Tường V đối với ông Lê Quang B.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Tường V được ly hôn ông Lê Quang B.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung của bà Nguyễn Thị Tường V và ông Lê Quang B là Lê Hoàng Khánh M - sinh ngày 04/12/2015 cho bà Nguyễn Thị Tường V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Lê Quang B không phải cấp dưỡng nuôi con chung Lê Hoàng Khánh M.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Tường V và ông Lê Quang B cùng xác nhận khai không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tường V và ông Lê Quang B cùng xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Tường V phải chịu nhưng được trừ

vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Tường V đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0005257 ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Tường V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án:

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q. Liên Chiểu;
- UBND P. H, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 16/7/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Xuân Hương